

Số: /2021/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

**Dự thảo**

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ quy định về một số loại phí, lệ phí  
trên địa bàn tỉnh Bình Định**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ quy định về một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 75/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

1. Bãi bỏ cụm từ “để làm nơi kinh doanh, buôn bán cho hộ gia đình và cá nhân” tại số thứ tự thứ 1, khoản 2 Điều 1.

2. Bãi bỏ số thứ tự thứ 4 khoản 2 Điều 1.

3. Sửa đổi cụm từ “đúng trình tự quy định tại Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.” thành “đúng quy định.” tại khoản 3 Điều 1.

4. Bãi bỏ số thứ tự 8, 9 điểm b khoản 3 Điều 2.

5. Sửa đổi khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Cơ quan thu: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh.”

6. Bãi bỏ nội dung “Cơ quan thu được trích để lại 40% số tiền phí thu được để chi theo quy định; số tiền phí còn lại 60% phải nộp vào ngân sách nhà nước.” tại khoản 5 Điều 5.

7. Sửa đổi Điều 11 thành:

**Điều 11. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt**

1. Mức thu: 10% trên giá bán của 1m<sup>3</sup> nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng;

2. Tỷ lệ để lại cho cơ quan thu:

Để lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho tổ chức cung cấp nước sạch và 25% cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn để trang trải chi phí cho hoạt động thu phí.”

8. Bãi bỏ Điều 13.

9. Bổ sung khoản 4 Điều 17 như sau:

*Đơn vị tính: đồng/giấy phép*

STT	Nội dung thu	Mức thu cung cấp dịch vụ công trực tuyến
1	Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ của nhân dân (thuộc đối tượng phải có giấy phép)	
a	Nhà ở riêng lẻ trong đô thị	63.000
b	Nhà ở riêng lẻ ngoài đô thị (nông thôn)	45.000
2	Cấp phép xây dựng các công trình khác	108.000
3	Trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng	13.000

**Điều 2.** Giám đốc Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giám đốc Công an tỉnh, Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, Thủ trưởng đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- Sở Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo và chuyên viên VP UBND tỉnh;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**